

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI TRÍ QUỐC TẾ LỢI LAI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHUYÊN ĐỔI	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHUYÊN ĐỔI	08
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ CHUYÊN ĐỔI	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI	10 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI TRÍ QUỐC TẾ LỢI LAI

Địa chỉ: Phường Ka Long, Thành phố Móng Cái,

Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

đính kèm Báo cáo tài chính chuyển đổi
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính chuyển đổi.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI TRÍ QUỐC TẾ LỢI LAI



Hứa Cương
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2021.

Nguyễn Văn Dương
Phó Tổng giám đốc

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2021

Số: -21/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Giải trí quốc tế Lợi Lai**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo của Công ty Cổ phần Giải trí quốc tế Lợi Lai (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 19 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 25 bao gồm: Bảng cân đối kế toán chuyển đổi tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chuyển đổi, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chuyển đổi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi. Báo cáo tài chính chuyển đổi này đã được Ban Tổng giám đốc Công ty lập theo quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư số 200”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 như trình bày tại Thuyết minh số III.1 - Cơ sở chuyển đổi báo cáo tài chính của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính chuyển đổi của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính chuyển đổi dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính chuyển đổi của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính chuyển đổi. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính chuyển đổi do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chuyển đổi trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính chuyển đổi.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính chuyển đổi của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư số 200.

Chính sách kế toán và giới hạn về đối tượng sử dụng báo cáo kiểm toán

Tuy không thay đổi ý kiến kiểm toán, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh III.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi mô tả cơ sở kế toán cho việc chuyển đổi báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính chuyển đổi này được lập để giúp Công ty đáp ứng các yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước Việt Nam theo quy định của Thông tư số 200. Vì thế, Báo cáo tài chính chuyển đổi này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Vấn đề khác

Công ty đã lập một bộ báo cáo tài chính bằng đồng tiền kế toán là Nhân dân tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chúng tôi đã phát hành Báo cáo kiểm toán độc lập số -21/BC-TC/VAE ngày tháng 03 năm 2021 về Báo cáo tài chính đó với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần và có đoạn Vấn đề cần nhấn mạnh.



Nguyễn Thị Hồng Vân

Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2018-034-1

Ngô Bá Thiêm

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3422-2020-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHUYỂN ĐỔI

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2020	01/01/2020
C NỢ PHẢI TRẢ	300		467.789.828.291	459.144.234.079
I Nợ ngắn hạn	310		134.131.421.190	144.592.272.583
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9.	682.977.547	2.644.741.110
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10.	804.994.782	324.552.367
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11.	6.801.202.714	11.230.363.590
4 Phải trả người lao động	314		3.670.151.316	16.535.620.705
5 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12.	122.171.233.111	113.856.188.082
6 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		861.720	806.729
II Nợ dài hạn	330		333.658.407.101	314.551.961.496
1 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13.	333.658.407.101	314.551.961.496
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(64.961.901.295)	45.501.773.553
I Vốn chủ sở hữu	410	V.14.	(64.961.901.295)	45.501.773.553
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		132.960.322.036	132.960.322.036
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		132.960.322.036	132.960.322.036
2 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		24.970.062.350	23.376.599.849
3 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.15.	101.693.791.010	107.019.421.791
4 Quỹ đầu tư phát triển	418		36.801.650.269	34.453.155.946
5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(361.387.726.960)	(252.307.726.069)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(252.307.726.069)	(256.068.768.823)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(109.080.000.891)	3.761.042.754
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		402.827.926.996	504.646.007.632

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI TRÍ QUỐC TẾ LỢI LẠI

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hà



La Văn Lai



Nguyễn Văn Dương

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHUYỂN ĐỔI
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2020	Năm 2019
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	38.549.145.917	257.910.978.478
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		38.549.145.917	257.910.978.478
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	100.321.283.400	177.525.530.880
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(61.772.137.483)	80.385.447.598
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	477.865.936	115.042.531
7 Chi phí tài chính	22	VI.4.	1.784.372.533	5.958.377.077
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	25		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	45.097.236.166	68.637.344.385
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(108.175.880.246)	5.904.768.667
11 Thu nhập khác	31	VI.5.	195.214.916	471.188.942
12 Chi phí khác	32	VI.6.	1.099.335.561	1.674.654.167
13 Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(904.120.645)	(1.203.465.225)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(109.080.000.891)	4.701.303.442
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	-	940.260.688
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(109.080.000.891)	3.761.042.754
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	(8.204)	283

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI TRÍ QUỐC TẾ LỢI LẠI

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hà



La Văn Lai

Nguyễn Văn Dương

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CHUYÊN ĐỔI

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(109.080.000.891)	4.701.303.442
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		29.010.679.452	29.008.824.896
- Các khoản dự phòng	03		1.179.399.863	1.836.712.030
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		604.972.670	4.121.665.047
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.124.101)	(115.042.531)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(78.289.073.007)	39.553.462.884
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		80.637.358	644.704.580
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.587.887.973	(4.824.256.147)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(10.674.294.193)	2.147.792.998
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		965.954.727	(428.966.291)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(85.328.887.142)	37.092.738.024
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.096.327.273)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.124.101	115.042.531
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.124.101	(981.284.742)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(85.324.763.041)	36.111.453.282
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		153.188.467.670	119.984.340.334
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.065.539.891)	(3.401.758.647)
Ảnh hưởng do chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính			(4.151.685.513)	494.432.701
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.01	60.646.479.225	153.188.467.670

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI TRÍ QUỐC TẾ LỢI LAI

Kế toán trưởng Phó Tổng giám đốc

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hà

La Văn Lai

Nguyễn Văn Dương



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đổi kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giải trí quốc tế Lợi Lai (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Liên doanh Hải Ninh - Lợi Lai được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 501/GP ngày 11/01/1993 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp. Sau đó, Công ty được chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đầu tư số 221.032.000.113 ngày 03/4/2008 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5700253502 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 03/04/2008. Công ty có 02 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 5700253502 thay đổi lần thứ 2 ngày 29/11/2019 về việc giảm vốn Điều lệ thì Vốn Điều lệ của Công ty là **132.960.322.036 đồng** (Một trăm ba mươi hai tỷ, chín trăm sáu mươi triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, không trăm ba mươi sáu đồng).

Phần vốn điều lệ góp cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Móng Cái góp 36.000.000.000 VND (Ba mươi sáu tỷ Đồng Việt Nam) tương đương 2.250.000 USD (Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn Đô la Mỹ), chiếm 25% giá trị vốn góp, gồm giá trị quyền sử dụng các lô đất và tiền mặt theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại công văn số 1650/UB ngày 31 tháng 12 năm 2001 và Hợp đồng thuê đất ngày 22/04/2003 giữa Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Móng Cái và Sở Địa chính. Theo Biên bản Chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2018 thì phần vốn góp của Nhà nước tại Công ty CP Giải trí Quốc tế Lợi Lai được chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu từ Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - SCIC quản lý. Tuy nhiên đến thời điểm 31/12/2020, Công ty vẫn chưa hoàn thành thủ tục để chuyển tên cổ đông sở hữu cổ phần Nhà nước tại Công ty sang SCIC.
- Công ty Profit Come Entertainment Development Limited góp 102.600.000.000 VND (Một trăm lẻ hai tỷ, sáu trăm triệu Đồng Việt Nam), tương đương 6.412.500 USD (Sáu triệu, bốn trăm mười hai nghìn, năm trăm Đô la Mỹ), chiếm 71,25% giá trị vốn góp bằng tiền mặt.
- Công ty Profit Come Entertainment Development Co. góp 5.400.000.000 VND (Năm tỷ, bốn trăm triệu Đồng Việt Nam), tương đương 337.500 USD (Ba trăm, ba mươi bảy nghìn năm trăm Đô la Mỹ), chiếm 3,75% giá trị vốn góp bằng tiền mặt.

Theo quyết định của Hội đồng quản trị Công ty ngày 13/05/1993, Công ty đã mở một Văn phòng tại Thị xã Đông Hưng, Tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Nhiệm vụ của Văn phòng là thực hiện công việc liên lạc giữa Công ty với đối tác nước ngoài, đồng thời là nơi chờ làm thủ tục xuất, nhập cảnh cho nhân viên của Công ty từ Trung Quốc sang làm việc, cũng như cho khách hàng là người nước ngoài đến vui chơi tại điểm vui chơi giải trí của Công ty.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn, nhà hàng, tổ chức vui chơi có thưởng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Vận chuyển hành khách của Công ty bằng đường bộ;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đổi kèm theo)

- Tổ chức thi điểm các trò chơi có thưởng dành cho người nước ngoài tại khách sạn của Công ty như sau:
 - + Tú lơ khơ 21 điểm, số lượng 03 bàn;
 - + Tú lơ khơ bách gia lạc, số lượng 03 bàn;
 - + Xúc xắc, số lượng 02 bàn;
 - + Máy quay đĩa, số lượng 03 bộ;
 - + Quay số trúng thưởng (dạng quả cầu), số lượng 03 bộ;
 - + Trò chơi điện tử có thưởng với số lượng tối đa 100 máy;
- Tổ chức biểu diễn ca múa nhạc tại khách sạn của Công ty do các nghệ sĩ nước ngoài thực hiện.

Thời gian hoạt động của Công ty: là 39 năm kể từ ngày dự án được cấp phép đầu tư số 501/GP ngày 11/01/1993.

Địa chỉ trụ sở chính: Phường Ka Long, Thành phố Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên doanh là Công ty TNHH Liên doanh Vĩnh Thuận có trụ sở chính tại Phường Trà Cổ - Thành phố Móng Cái - Tỉnh Quảng Ninh. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty liên doanh này là kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch, sân golf và khu vui chơi giải trí (không có thưởng) cho người Việt Nam và người nước ngoài.

Vốn điều lệ của Công ty TNHH Liên doanh Vĩnh Thuận là **21.000.000,00 USD** (Hai mươi một triệu đôla Mỹ)

	<u>01/01/2020</u>	<u>31/12/2020</u>
- Tỷ lệ vốn nắm giữ	5,74%	5,74%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	40%	40%

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Do ảnh hưởng toàn cầu về sự bùng phát và lây lan của đại dịch do virus corona (“Covid 19”) đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới và đặc biệt tại Việt Nam có quy định cách ly xã hội từ ngày 01/04/2020 đến ngày 22/04/2020 theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ, sau đó dịch bệnh vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến Việt Nam, người nước ngoài bị hạn chế nhập cảnh vào Việt Nam trong khi khách hàng của Công ty gần như chỉ có người nước ngoài nên doanh thu của Công ty giảm mạnh, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm bị lỗ lớn.

II. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đổi kèm theo)

Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

III. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính chuyên đổi

Công ty sử dụng Nhân dân tệ (CNY) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng việc sử dụng đơn vị tiền tệ kế toán bằng Nhân dân tệ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Cho mục đích công bố báo cáo theo luật định tại Việt Nam, Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được lập bằng Nhân dân tệ (CNY) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính (là tỷ giá bán ra tại ngày 31/12/2020 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Móng Cái với giá trị là 3.616,37 VND/CNY);
- Nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính (là tỷ giá mua chuyển khoản tại ngày 31/12/2020 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Móng Cái với giá trị là 3.505,92 VND/CNY);
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của chủ sở hữu, vốn khác) được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi nhuận, cổ tức đã trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi tức, cổ tức;
- Các chỉ tiêu thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân mua vào chuyển khoản là 3.329,80 VND/CNY đối với các khoản mục Chi phí; tỷ giá bình quân bán ra là 3.427,53 VND/CNY đối với các khoản mục Doanh thu và Thu nhập khác (riêng khoản mục Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định bằng doanh thu thực tế kê khai trên tờ khai thuế hàng tháng theo tỷ giá cuối các tháng);
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán.

Báo cáo tài chính chuyên đổi phải được đọc cùng với báo cáo tài chính bằng đồng CNY cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán của Công ty.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đổi kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán chuyên đổi

1. Tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	55.155.893.902	148.938.838.122
Tiền mặt CNY	14.846.056.581	69.248.726.305
Tiền mặt VND	1.350.004.663	1.486.212.638
Tiền mặt USD	38.958.015.902	78.201.865.556
Tiền mặt HKD	1.816.756	2.033.623
Tiền gửi ngân hàng	5.490.585.323	4.249.629.548
Tiền gửi ngân hàng CNY	81.086.247	75.144.867
Tiền gửi ngân hàng VND	2.195.568.168	858.657.588
Tiền gửi ngân hàng USD	3.197.416.971	3.299.226.251
Tiền gửi ngân hàng HKD	16.513.937	16.600.842
Cộng	60.646.479.225	153.188.467.670

2. Trả trước cho người bán

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty CP Tư vấn đầu tư công nghệ cao	10.938.796	10.137.284
Nhà vườn Đặng Văn Mạnh	-	39.968.510
Cửa hàng Quảng cáo Lam Sơn	-	48.570.857
Các đối tượng khác	98.184.843	91.131.802
Cộng	109.123.639	189.808.453

3. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	1.074.650.780	-	1.035.683.135	-
Công cụ, dụng cụ	2.110.230.153	-	4.737.085.771	-
Cộng	3.184.880.933	-	5.772.768.906	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI TRÍ QUỐC TẾ LỢI LẠI

Địa chỉ: Phường Ka Long, Thành phố Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỀ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đề kèm theo)***4. Các khoản đầu tư tài chính**

	31/12/2020	01/01/2020				
	VND	VND				
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào công ty liên doanh						
Công ty TNHH Liên doanh Vĩnh Thuận	70.018.708.018	(41.772.276.772)	28.246.431.246	64.888.271.350	(37.524.477.010)	27.363.794.340
Cộng	70.018.708.018	(41.772.276.772)	28.246.431.246	64.888.271.350	(37.524.477.010)	27.363.794.340

Công ty TNHH Liên doanh Vĩnh Thuận trụ sở đặt tại: Phường Trà Cổ - Thành phố Móng Cái - Tỉnh Quảng Ninh; Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch, sân golf và khu vui chơi giải trí (không có thương) cho người Việt Nam và người nước ngoài.

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với Công ty TNHH Liên doanh Vĩnh Thuận: Công ty thuê 2 tàu Vĩnh Lợi 1 và Vĩnh Lợi 2 của Công ty TNHH Liên doanh Vĩnh Thuận.

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty TNHH Liên doanh Vĩnh Thuận do không có giá giao dịch. Giá trị hợp lý có thể khác với giá trị ghi sổ.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Chi tiêu						Cộng
<i>Nguyên giá</i>						
Số dư ngày 01/01/2020	194.134.249.468	17.358.028.131	29.607.368.333	8.401.895.251	960.542.457	250.462.083.640
Tăng khác (*)	-	(1.134.362.364)	1.134.362.364	-	-	1.134.362.364
Giảm khác (*)	-	1.372.424.663	-	-	-	(1.134.362.364)
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính	15.349.360.541		2.340.927.336	664.301.738	75.945.963	19.802.960.241
Số dư ngày 31/12/2020	209.483.610.009	17.596.090.430	33.082.658.033	9.066.196.989	1.036.488.420	270.265.043.881
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Số dư ngày 01/01/2020	101.935.055.407	13.899.745.748	16.153.715.317	8.322.578.976	960.542.457	141.271.637.905
Khấu hao trong năm	7.781.511.427	1.407.736.474	3.063.382.471	33.675.491	-	12.286.305.863
Tăng khác (*)	-	-	141.568.301	-	-	141.568.301
Giảm khác (*)	-	(141.568.301)	-	-	-	(141.568.301)
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính	9.031.585.319	1.220.144.929	1.238.512.997	660.928.702	75.945.963	12.227.117.910
Số dư ngày 31/12/2020	118.748.152.153	16.386.058.850	20.597.179.086	9.017.183.169	1.036.488.420	165.785.061.678
<i>Giá trị còn lại</i>						
Tại ngày 01/01/2020	92.199.194.061	3.458.282.383	13.453.653.016	79.316.275	-	109.190.445.735
Tại ngày 31/12/2020	90.735.457.856	1.210.031.580	12.485.478.947	49.013.820	-	104.479.982.203

(*) Tăng khác, giảm khác là khoản phân loại lại giữa các nhóm tài sản.

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 40.591.878.560 VND (Tại ngày 31/12/2019 là 38.184.496.339 VND)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đổi kèm theo)

6. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Đơn vị tính: VND	
				Cộng
<i>Nguyên giá</i>				
Số dư ngày 01/01/2020	62.221.087.761	297.636.946		62.518.724.707
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính	4.919.553.926	23.532.874		4.943.086.800
Số dư ngày 31/12/2020	67.140.641.687	321.169.820		67.461.811.507
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>				
Số dư ngày 01/01/2020	37.189.220.611	297.636.946		37.486.857.557
Khấu hao trong năm	1.557.871.675	-		1.557.871.675
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính	3.074.464.434	23.532.874		3.097.997.308
Số dư ngày 31/12/2020	41.821.556.720	321.169.820		42.142.726.540
<i>Giá trị còn lại</i>				
Tại ngày 01/01/2020	25.031.867.150	-		25.031.867.150
Tại ngày 31/12/2020	25.319.084.967	-		25.319.084.967

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 321.169.820 VND (Tại ngày 31/12/2019 là 297.636.946 VND).

7. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Khoản mục	01/01/2020	Tăng trong năm	Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính	Đơn vị tính: VND	
					31/12/2020
<i>Nguyên giá</i>					
Nhà cửa vật kiến trúc	436.750.996.928	-	34.532.023.777		471.283.020.705
	436.750.996.928	-	34.532.023.777		471.283.020.705
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Nhà cửa vật kiến trúc	257.693.502.448	15.166.501.914	21.679.967.987		294.539.972.349
	257.693.502.448	15.166.501.914	21.679.967.987		294.539.972.349
<i>Giá trị còn lại</i>					
Nhà cửa vật kiến trúc	179.057.494.480				176.743.048.356
	179.057.494.480				176.743.048.356

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đổi kèm theo)

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

8. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	211.667.438	399.998.551
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	68.536.721	159.086.395
Chi phí thuê vị trí quảng cáo	121.423.456	240.912.156
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	21.707.261	-
b) Dài hạn	976.909.954	1.754.533.568
Chi phí thuê đất	825.334.109	1.020.089.151
Chi phí sửa chữa tài sản	151.575.845	677.990.152
Tiền mua cây cảnh	-	56.454.265
Cộng	1.188.577.392	2.154.532.119

9. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Hoàng Thị Ta	682.970.535	682.970.535	2.644.741.110	2.644.741.110
Các đối tượng khác	7.012	7.012	-	-
Cộng	682.977.547	682.977.547	2.644.741.110	2.644.741.110

10. Người mua trả tiền trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
Khách thuê phòng nghỉ trả trước	804.994.782	324.552.367
Cộng	804.994.782	324.552.367

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo)

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Phải nộp		
Thuế GTGT đầu ra	2.222.723.375	5.110.972.637
Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.326.126.408	6.008.527.273
Thuế thu nhập cá nhân	252.352.931	110.863.680
Cộng	6.801.202.714	11.230.363.590
b) Phải thu		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.864.730.930	2.654.825.641
Thuế nhà thầu	44.940.449	41.402.938
Cộng	2.909.671.379	2.696.228.579

12. Phải trả khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn		
Công ty Profit Come Entertainment Development Limited (*)	119.869.672.920	112.220.199.480
Lợi nhuận phải trả	13.141.945.643	12.303.293.449
Phải trả khác	106.727.727.277	99.916.906.031
Đặt cọc công phục	1.068.069.518	1.093.617.273
Bảo hiểm y, bảo hiểm xã hội và các khoản trả khác	1.017.248.893	299.955.799
Đặt cọc tập huấn	216.241.780	242.415.530
Cộng	122.171.233.111	113.856.188.082

(*) Đây là khoản phải trả cho Công ty Profit Come Entertainment Development Limited về lợi nhuận và khoản trả thay tiền xây dựng khách sạn.

b) Thuyết minh chi tiết với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI TRÍ QUỐC TẾ LỢI LAI

Địa chỉ: Phường Ka Long, Thành phố Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo)***13. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND
a) Dài hạn				
Ông Hứa Cương (1)	292.260.503.040	292.260.503.040	18.650.580.260	-
Công ty Profit Come Entertainment Development Limited (2)	41.397.904.061	41.397.904.061	455.865.345	-
Cộng	333.658.407.101	333.658.407.101	19.106.445.605	-

(1) Khoản vay theo hợp đồng vay ngày 30/06/2009, số gốc vay 103.362.000 CNY, thời hạn cho vay tối thiểu 08 năm, không tính lãi, mục đích sử dụng tiền vay để thanh toán các khoản chi phí phát sinh tại Công ty.

Phụ lục hợp đồng gia hạn vay vốn số 02/2020/PLHHD-LL ngày 31/12/2019 về việc gia hạn đến ngày 31/12/2025.

(2) Khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 01/2011/HĐVV/LL ngày 05/09/2011, số tiền vay 1.800.000 USD, thời hạn trả nợ gốc tại thời điểm chấm dứt thời hạn hợp đồng vay vốn tính từ ngày bên vay rút vốn, mục đích sử dụng tiền vay để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Móng Cái. Phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/2020/PLHHD-LL ngày 31/12/2019 về việc gia hạn đến ngày 31/12/2025.

b) Thuyết minh chi tiết với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.1.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo)

14. Vốn chủ sở hữu

14.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2019	132.960.322.036	23.826.299.140	(256.068.768.823)	(99.282.147.647)
Lỗi trong năm trước	-	-	3.761.042.754	3.761.042.754
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính	-	(449.699.291)	-	(449.699.291)
Số dư tại 31/12/2019	132.960.322.036	23.376.599.849	(252.307.726.069)	(95.970.804.184)
Lãi trong năm nay	-	-	(109.080.000.891)	(109.080.000.891)
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính	-	1.593.462.501	-	1.593.462.501
Số dư tại 31/12/2020	132.960.322.036	24.970.062.350	(361.387.726.960)	(203.457.342.574)

14.2 Các giao dịch về vốn chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	132.960.322.036	132.960.322.036
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	132.960.322.036	132.960.322.036
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

14.3 Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	36.801.650.269	34.453.155.946
Cộng	36.801.650.269	34.453.155.946

(*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đổi kèm theo)

15. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính	101.693.791.010	107.019.421.791
Cộng	101.693.791.010	107.019.421.791

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chuyên đổi

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu Điểm vui chơi giải trí	13.472.318.902	116.063.915.086
Doanh thu dịch vụ khách sạn	68.293.929	141.485.640.750
Doanh thu bán hàng	25.008.533.086	361.422.642
Cộng	38.549.145.917	257.910.978.478

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn Điểm vui chơi giải trí	35.060.707.325	79.889.224.814
Giá vốn cung cấp dịch vụ khách sạn	177.729.868	97.387.531.288
Giá vốn bán hàng	65.082.846.207	248.774.778
Cộng	100.321.283.400	177.525.530.880

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	4.124.101	115.042.531
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	473.741.835	-
Cộng	477.865.936	115.042.531

4. Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	604.972.670	4.121.665.047
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư Công ty TNHH Liên doanh Vĩnh Thuận	1.179.399.863	1.836.712.030
Cộng	1.784.372.533	5.958.377.077

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đổi kèm theo)

5. Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền phạt bồi thường	114.722.703	468.783.656
Thu tiền điện của nhân viên	62.021.072	-
Xử lý chênh lệch kho	5.969.790	2.405.286
Thu nhập khác	12.501.351	-
Cộng	195.214.916	471.188.942

6. Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí ủng hộ, quyên góp	360.213.240	1.518.641.418
Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thay nhà thầu nước ngoài	3.855.911	25.264.649
Chi trợ cấp hiếu, hỷ, hôn nhân	115.004.552	126.650.200
Chi phí bắn pháo hoa	552.211.483	-
Tiền phạt chậm nộp thuế	52.475.057	-
Chi phí khác	15.575.318	4.097.900
Cộng	1.099.335.561	1.674.654.167

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	23.057.036.203	29.899.079.281
Chi phí vật liệu quản lý	2.935.761.064	151.397.816
Chi phí đồ dùng văn phòng	309.765.267	472.595.955
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	3.016.940.917	3.045.269.164
Thuế, phí và lệ phí	623.705.273	769.018.981
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.844.464.907	33.520.845.124
Chi phí bằng tiền khác	2.309.562.535	779.138.064
Cộng	45.097.236.166	68.637.344.385

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.683.353.725	38.951.661.692
Chi phí nhân công	78.443.507.507	129.116.444.813
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.010.679.452	29.008.824.896
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.422.893.570	40.326.868.192

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đổi kèm theo)

	5.858.129.496	8.368.017.883
Cộng	145.418.563.750	245.771.817.476
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(109.080.000.891)	4.701.303.442
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	-	-
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	-	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(109.080.000.891)	4.701.303.442
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	940.260.688
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, được giảm	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	940.260.688
10. Lãi/ (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu		
	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(109.080.000.891)	3.761.042.754
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(109.080.000.891)	3.761.042.754
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.296.032	13.296.032
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(8.204)	283
VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chuyên đổi		
1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai		
	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản vay dài hạn	19.106.445.605	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản vay dài hạn	-	5.328.493.773

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyển đổi kèm theo)

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a) Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Ông Hứa Cương
Công ty Profit Come Entertainment Development Limited
Công ty TNHH Liên doanh Vĩnh Thuận

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT
Công ty mẹ
Công ty liên doanh

b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Mua hàng	1.439.560.675	1.399.818.000
Công ty TNHH Liên doanh Vĩnh Thuận	1.439.560.675	1.399.818.000

c) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả ngắn hạn khác	119.869.672.920	112.220.199.480
Công ty Profit Come Entertainment Development Limited	119.869.672.920	112.220.199.480
Vay dài hạn	333.658.407.101	314.551.961.496
Ông Hứa Cương	292.260.503.040	273.609.922.780
Công ty Profit Come Entertainment Development Limited	41.397.904.061	40.942.038.716

d) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập Ban Tổng giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lương	1.849.984.520	1.779.310.700
Cộng	1.849.984.520	1.779.310.700

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính chuyên đổi kèm theo)

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Mặc dù tại ngày 31/12/2020, Nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá Tài sản ngắn hạn là 67.068.950.920 VND, lỗ lũy kế là 356.651.927.165 VND vượt quá vốn góp của chủ sở hữu là 64.961.901.295 VND và luồng tiền từ hoạt động kinh doanh bị âm nhưng Ban Tổng giám đốc Công ty vẫn lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục vì tin tưởng rằng giả định hoạt động liên tục là phù hợp trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và cam kết Công ty có sự hỗ trợ tài chính cần thiết để thanh toán các khoản nợ đến hạn ít nhất 12 tháng kể từ ngày Báo cáo tài chính được Ban Tổng giám đốc thông qua.

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính chuyên đổi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Giải trí quốc tế Lợi Lai đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁI TRÍ QUỐC TẾ LỢI LAI

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hà

La Văn Lai

Nguyễn Văn Dương